SỞ GD&ĐT TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG PTDTNT THCS & THPT HUYỆN ĐẮK MIL
Số 58/KH-DTNTĐM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

Đắk Mil, ngày 30 tháng 11 năm 2024

KẾ HOẠCH CHI HỌC BỔNG và DỰ KIẾN THỰC ĐƠN HÀNG NGÀY ÁP DỤNG TỪ 01/12/2024

Số học sinh toàn trường: 227

NỘI DUNG THU, CHI

TT	NỘI DUNG	Số tiền/HS/ 1tháng	Số tiền/toàn trường/tháng
I	**THU** (*bằng 227HS x 1.872.000 đ/HS*)	**1.872.000**	**424.944.000**
II	**CHI và DỰ PHÒNG** (*bằng 1+2+3+4+5*)	**1.872.000**	**424.944.000**
1	Chi cho đồ dùng cá nhân, tiền ga cho toàn trường (PL1)	150.600	34.186.200
2	Chi tiền ăn 3 bữa (PL2)	1.677.471	380.786.000
3	Bổ sung thực phẩm ăn tươi		
4	Chi tiền mặt cho mỗi HS	50.000	11.350.000
5	Dự phòng	6.071	1.378.000

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO KẾ HOẠCH CHI HỌC BỔNG

1 PHỤ LỤC 1: Chi cho mua đồ dùng cá nhân và mua ga nấu ăn trong 1 tháng/HS

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Đơn giá	SL	Thành tiền
1	Xà bông giặt	gói	9.000	1	9.000
2	Kem đánh răng	hộp	15.000	1	15.000
3	Dầu gội clear 170ml	chai	60.000	1	60.000
4	Giấy vệ sinh se san	lốc	25.000	0.4	10.000
5	Nước rửa chén 2 lít	chai	45.000	0.12	5.400
6	Nước lau sàn Sunlight	chai	30.000	0.12	3.600
7	Xà bông cục lifeboy	cục	12.000	0.12	1.440
8	Sữa tắm chai lớn E100	chai	70.000	0.12	8.400
9	Vim 500ml	chai	23.000	0.12	2.760
10	Ga nấu ăn	kg	35.000	1	35.000
	Tổng cộng				**150.600**

Ghi chú: Từ mục 4 đến mục 9 phát theo phòng ở

2. PHỤ LỤC 3: GIA VỊ (toàn trường/ngày)

STT	Tên thực phẩm	Đơn vị	Đơn giá	SL/ngày	Thành tiền
1	Dầu ăn Mezan	lít	43.000	4.5	193.500
2	Nước mắm độ nhị (800ml)	chai	18.000	7	126.000
3	Muối Iốt	gói	6.000	3	18.000
4	Bột ngọt Ajnomoto (1kg)	gói	57.000	1	57.000
5	Aji - ngon (1kg)	gói	55.000	1	55.000
6	Màu	hũ	5.000	1.5	7.500

STT	Tên thực phẩm	Đơn vị	Đơn giá	SL/ngày	Thành tiền
7	Sa tế	hũ	7.000	1.5	10.500
8	Đường	kg	23.000	2	46.000
9	thịt xay	kg	125.000	3	375.000
10	gia vị tươi sống	kg	47.000	3	141.000
11	Tiêu xay	kg	150.000	0.2	30.000
	Tổng cộng				**1.059.500**

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HUYỆN ĐẮK MIL

Hồ Tấn Đằng

Người lập

Kế toán: Nguyễn Thị Loan

PHỤ LỤC 2 DỰ KIẾN THỰC ĐƠN HÀNG NGÀY/TUẦN

Áp dụng từ ngày 01 /12 /2024

THỨ/	SÁNG				TRƯA					CHIỀU					THÀNH TIỀN
	Tên món	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	
	Bánh mì	Cái	229	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	
	thịt				2) Thịt gà	Thịt gà	kg	40	75.000	2) Thịt xay	Thịt xay	kg	18	125.000	
					chiên mắm	Tiêu xay	kg	0.5	150.000	nhồi đậu	Đậu khuôn	miếng	115	3.500	
						Gia vị xíu mại	gói	5	8.000		Nấm mèo	kg	0.5	120.000	
											cà chua	kg	7	30.000	
2					3) Cải ngọt	Cải ngọt	kg	18	15.000						14.297.500
					xào										
					4) Canh	Bí xanh	kg	11	18.000	4) Canh	mướp	kg	3	15.000	
					bí xanh	Hành lá	kg	1	30.000	tập tàng	rau dền	kg	2	15.000	
					Sữa tươi	Sữa tươi	hộp	228	7.500		mồng tơi	kg	2	15.000	
						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000	
	Xôi	Hộp	229	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	
	chả giò				2) Cá diêu	cá diêu hồng	kg	35	65.000	2) Thịt heo	Thịt heo	kg	16	125.000	
	dăm bông				hồng kho	Gia vị cá kho	gói	5	8.000	kho trứng	Trứng vịt	quả	115	3.500	
3					3) Cải thìa	Cải thìa	kg	20	16.000	3) xu hào	Xu hào	kg	15	20.000	11.817.000
					xào	/su su				xào	Cà rốt	kg	4	22.000	
					4) Canh	khoai tây	kg	7	21.000	4) Canh	Bí đỏ	kg	11	17.000	
					khoai tây	cà rốt	kg	4	22.000	bí đỏ	Đậu phụng	kg	0.5	45.000	
					cà rốt										
						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000	
	Bún	Hộp	229	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	
	thịt nướng				2) Tôm hấp/rim	Tôm to	kg	20	170.000	2) Thịt gà kho	Thịt gà	kg	35	75.000	
4					3) Cải ngọt	Cải ngọt	kg	18	15.000	3) su su xào	su su	kg	16	14.000	12.873.000

THỨ/	SÁNG				TRƯA					CHIỀU					THÀNH TIỀN
	Tên món	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	
					xào						Cà rốt	kg	4	22.000	
					4) Canh chua	cà chua	kg	2	30.000	4) Canh bí xanh	Bí xanh	kg	11	18.000	
						giá đậu	kg	2	11.000						
						bạc hà	kg	3	13.000						
						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000	
5	Bánh mì trứng ốp la thịt	Cái	229	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	
					2) Trứng gà chiên:	Trứng gà	quả	440	3.000	2) Bò kho	Thịt bò nạm	kg	20	160.000	
						Hành lá	kg	1	30.000		Gia vị bò	túi	1	40.000	
					3) cải thảo/ su su xào	Cải thảo /su su	kg	20	20.000	3) khoai tây, cà rốt xào	Khoai tây	kg	7	21.000	11.839.000
											Cà rốt	kg	7	22.000	
						Thịt heo	kg	1.5	125.000						
					4) Canh bí đỏ	Bí đỏ	kg	11	17.000	4) Canh quả bầu	Quả bầu	kg	12	17.000	
						Đậu phụng	kg	0.5	45.000						
						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000	
6	Bún thịt nướng	Hộp	229	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	
					2) thịt gà kho	Thịt gà	kg	35	75.000	2) Thịt heo luộc.	Thịt heo	kg	22	125.000	
					3) Cải thảo xào	Cải thảo	kg	20	20.000	3) Đậu ve xào	Đậu ve	kg	20	23.000	12.516.000
					4) Canh chua	cà chua	kg	2	30.000	4) Canh cà rốt, khoai tây	Cà rốt	kg	3	22.000	
						giá đậu	kg	2	11.000		Khoai tây	kg	7	21.000	
						bạc hà	kg	3	13.000						
						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000	
	Bánh canh thịt	Túi	229	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	
					2) tôm rim	Tôm to	kg	20	170.000	2) Chả	Chả lụa	kg	18	130.000	

THỨ/	SÁNG				TRƯA					CHIỀU					THÀNH TIỀN
	Tên món	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	
										lụa					
7					3) Cải ngọt xào	Cải ngọt	kg	18	15.000	3) Quả bầu xào	Quả bầu	kg	20	17.000	12.671.000
					4) Canh chua	cà chua	kg	3	30.000	4) Canh bí đỏ	Bí đỏ	kg	11	17.000	
						giá đậu	kg	2	11.000		Đậu phụng	kg	0.5	45.000	
						đậu khuôn trắng	miếng	15	3.500						
						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000	
CN	Mì tôm, xúc xích	Tô	229	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	1) Cơm	Gạo	kg	42	18.000	
					2) Cá lóc kho	cá lóc hoặc cá hấp	kg	35	60.000	2) Thịt heo kho	Thịt heo	kg	18	125.000	
											Nấm mèo	kg	1	120.000	
						Gia vị cá kho	gói	5	8.000						
					3) rau muống xào	Rau muống	kg	17	15.000	3) xu hào xào	Xu hào	kg	15	20.000	11.380.000
											Cà rốt	kg	4	22.000	
					4) Canh tập tàng	Mướp	kg	3	15.000	4) Canh cải thảo	Cải thảo	kg	8	20.000	
						rau dền	kg	2	15.000						
						mồng tơi	kg	3	15.000						
						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000	
		Tổng 1 tuần													87.393.500

Người lập
Trưởng ban đời sống

Thái Thị Hồng Quý